

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

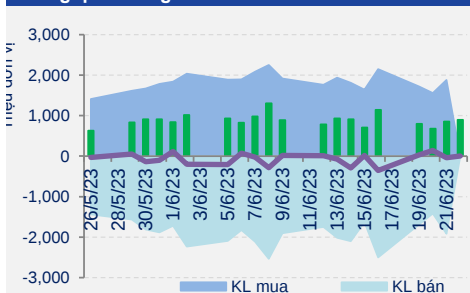
22/6/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

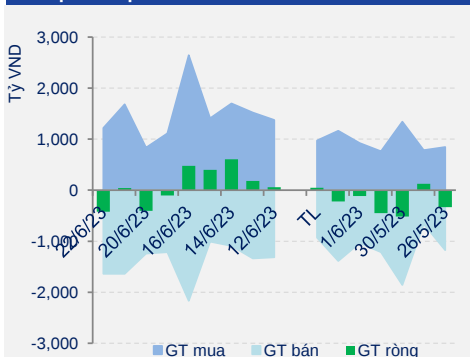
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,125.30	231.91
% Thay đổi	↑ 0.61%	↑ 0.06%
KLGD (CP)	897,768,715	113,697,774
GTGD (tỷ đồng)	18,604.86	1,970.39
Tổng cung (CP)	1,246,720,000	186,746,300
Tổng cầu (CP)	1,130,510,000	157,700,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	41,357,578	577,056
KL mua (CP)	38,404,119	1,964,098
GT mua (tỷ đồng)	1,221.08	40.38
GT bán (tỷ đồng)	1,641.42	17.73
GT ròng (tỷ đồng)	(420.34)	22.65

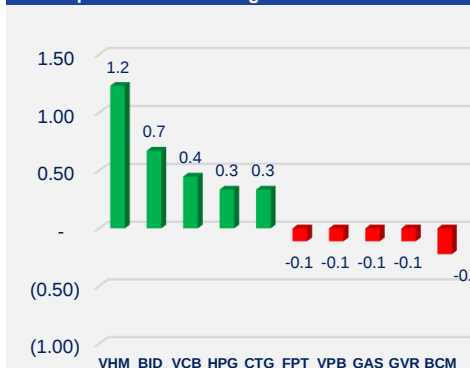
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Tiếp đà tăng điểm 2 phiên trước, VN-INDEX tạo khoảng trống tăng giá đầu phiên giao dịch lên vùng giá 1.128 điểm và duy trì tích cực tới cuối phiên. Kết phiên VN-INDEX tăng 6,84 điểm (+0,61%) lên mức 1.125,30 điểm, vượt qua vùng giá cao nhất tháng 01/2023 và đường giá trung bình MA200 trên đồ thị tuần. HNX-INDEX tăng 0,14 điểm (+0,06%) lên mức 231,91 điểm. Độ rộng duy trì tích cực với tổng cộng 410 mã tăng giá (18 mã tăng trần), 200 mã giảm giá (05 mã giảm sàn) và 129 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết duy trì tích cực, đạt 20.575 tỉ đồng, tăng 4,99% so với phiên trước. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng khá mạnh trên HOSE với giá trị 420,34 tỷ đồng, trong đó tập trung bán ròng mạnh ở cổ phiếu VHM; mua ròng trên HNX với giá trị 22,65 tỷ đồng.

Dòng tiền vẫn đang luân chuyển và gia tăng tốt trong thị trường. Sau nhóm cổ phiếu xây dựng, vật liệu xây dựng ở phiên trước, phiên giao dịch hôm nay nhóm cổ phiếu bất động sản lại có diễn biến tăng giá mạnh, nhiều mã vượt đỉnh cũ với thanh khoản đột biến như NBB (+6,73%), DIG (+6,22%), DXG (+4,23%), CEO (+2,71%)...

Các cổ phiếu nhóm hóa chất, phân bón, thủy sản... cũng có diễn biến tăng giá mạnh, điển hình như CSV (+6,89%), DGC (+3,61%) ... LAS (+4,55%), DCM (+4,13%), DPM (+3,46%)... VHC (+3,58%), ACL (+2,31%), ANV (+2,01%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu ngân hàng sau giai đoạn có diễn biến phân hóa, thanh khoản trung bình kém đã tăng điểm đồng thuận với đa số các mã tăng giá tốt với thanh khoản cải thiện vượt mức trung bình như STB (+2,04%), VIB (+1,72%), OCB (+1,37%), BID (+1,27%), CTG (+1,03%)...

Các cổ phiếu nhóm ngành điện sau giai đoạn điều chỉnh tích lũy cũng đã phục hồi khá tích cực trở lại sau khi VN-INDEX đang vượt được các vùng giá đỉnh cũ như NT2 (+3,85%), QTP (+2,29%), PPC (+1,54%), POW (+0,73%)....

Trong khi các cổ phiếu nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán phân hóa, nhiều mã chịu áp lực điều chỉnh nhẹ sau khi tăng giá mạnh phiên trước với BVS (-1,21%), BSI (-0,86%), VCI (-0,80%)... bên cạnh các mã vẫn duy trì đà tăng như AGR (+2,14%), VIX (+1,72%), HCM (+1,40%)... Các cổ phiếu bất động sản Khu công nghiệp cũng có diễn biến tương tự với SIP (-1,12%), KBC (-0,68%), VGC (-0,11%),...SZC (+3,33%), LHG (+0,92%), IDC (+0,92%)....

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2307 giảm 1,5 điểm (-0,13%) sau khi tăng mạnh phiên trước, mức chênh lệch âm 3,60 điểm so với VN30, với khối lượng giao dịch giảm 7,81% so với phiên trước. Xu hướng ngắn hạn kỳ hạn VN30F2307 vẫn chưa đồng thuận với VN30. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2308, VN30F2309, VN30F2312 chênh lệch từ -8,60 điểm đến -21,70 điểm so với VN30. Cho thấy các trader đang lạc quan đối với chỉ số VN30, gia tăng các vị thế mua ở VN30 và phòng ngừa rủi ro giảm điểm của VN30 ở khung thời gian lớn hơn.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Phiên thứ 3 liên tiếp VnIndex tăng điểm và là nỗ lực lần thứ 2 thị trường vượt ngưỡng kháng cự trên nền tảng nhỏ, chốt phiên hôm nay VN-Index đóng cửa ở 1.125,30 điểm, vượt lên trên ngưỡng kháng cự 1.120 điểm và đường giá trung bình MA200 trên đồ thị tuần (tương ứng mốc đỉnh tháng 1/2023 tại 1.125,30 điểm). Hiện tại mốc kháng cự tiếp theo của chỉ số là vùng 1.150 điểm, hỗ trợ ngắn hạn quanh 1.100 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm phiên thứ 3 liên tiếp sau nhịp điều chỉnh tuần trước và VN-Index tăng +6,84 điểm (+0,61%) đóng cửa tại 1.125,30 điểm đồng thời vượt lên trên ngưỡng cản 1.120 điểm. Như chúng tôi đã dự báo, với đà hồi phục tốt trong thời gian qua, lần vượt kháng cự này của VN-Index được kỳ vọng sẽ thành công và chỉ số sẽ hướng tới khu vực kháng cự mạnh tiếp theo quanh 1.150 điểm.

Về góc nhìn Trung- Dài hạn thị trường đang trong quá trình phục hồi sau khi đã thoát ra khỏi trạng thái tích lũy rất tốt trong 6 tháng trước đây và tạo cơ sở cho khả năng hình thành Uptrend trong trung hạn. Dự báo về uptrend trong giai đoạn hiện tại là quá sớm bởi VN-Index vẫn chưa tiệm cận khu vực kháng cự của nền tích lũy rộng (quanh 1.150 điểm), đồng thời sẽ cần thêm hỗ trợ từ các yếu tố vĩ mô tích cực. Về vĩ mô, trạng thái nền kinh tế vẫn đang trong giai đoạn khá trầm lắng và khó dự báo đặc biệt đối với thị trường BĐS và thị trường xuất khẩu (do kinh tế thế giới đang tăng trưởng thấp nên đơn hàng không nhiều) tuy nhiên việc lãi suất đang có xu hướng giảm và ổn định giúp dòng tiền trong thị trường trở nên bình ổn hơn. Do đó, chúng tôi nhận định thị trường đã chuyển đổi sang giai đoạn hậu tích lũy và đang khởi động quá trình tạo dựng Uptrend.

Các nhà đầu tư ngắn hạn giai đoạn hiện tại nên hạn chế mua đuổi giá cao. Với nhà đầu tư trung, dài hạn chúng tôi vẫn thường xuyên khuyến nghị giải ngân trong thời gian vừa qua (đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy) nên nếu cơ cấu tốt thì hiện tại hoàn toàn có thể tiếp tục nắm giữ, trong trường hợp muốn gia tăng tỷ trọng nhà đầu tư có thể tận dụng mua vào ở các nhịp điều chỉnh, mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

22/6/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
GVR	19.35	16-17	20.5-21	15	23.4	-15.5%	-47.9%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	44.65	38-39	48-49	37	4.3	0.4%	-40.5%	Theo dõi chờ giải ngân
HCM	28.90	25-26.6	30-31	23	19.1	-41.0%	-56.2%	Theo dõi chờ giải ngân
LCG	13.85	12.5-13.2	15-15.5	12	17.3	33.6%	-79.2%	Theo dõi chờ giải ngân
GMD	51.80	49.5-51.6	62-64	46	16.9	2.5%	-26.1%	Theo dõi chờ giải ngân
VSC	33.40	31-31.5	40-42	29	15.8	-1.3%	-68.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
9/3/23	CSV	34.90	26.4	34-36	32	32.20%	Nắm giữ
30/3/23	BVS	24.50	18	24-26	23	36.11%	Nắm giữ
31/3/23	PTB	48.45	40	52-54	46.5	21.13%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	33.10	25.1	33-34	30.5	31.87%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	13.50	12.75	18-18.5	12.8	5.88%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	58.70	54.8	65-67	57	7.12%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	29.10	28.05	34-35	27	3.74%	Nắm giữ
21/6/23	GMD	51.80	51	62-64	48	1.57%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Chính thức gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt với ô tô sản xuất trong nước

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 36/2023/NĐ-CP ngày 21/6/2023 về gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước. Nghị định nêu rõ: gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 6, tháng 7, tháng 8 và tháng 9 năm 2023 đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước.

Trung tâm điều độ hệ thống điện sẽ theo mô hình doanh nghiệp

Văn phòng Chính phủ ngày 21/6 có thông báo kết luận của Phó thủ tướng Trần Lưu Quang tại cuộc họp chuyển Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia (A0) từ EVN về Bộ Công Thương. Theo đó, Bộ Công Thương được yêu cầu cùng Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, các bộ ngành hoàn thiện đề án chuyển A0 về Bộ Công Thương dưới hình thức Công ty TNHH MTV, trình Thủ tướng trong tháng 8.

Nợ ròng của lĩnh vực công tại Anh vượt mức 100% GDP kể từ năm 1961

Theo Văn phòng Thống kê Quốc gia (ONS), nợ ròng của lĩnh vực công tại Anh vượt mức 100% GDP trong tháng 5/2023, khi các khoản vay vượt dự kiến. Nợ ròng của lĩnh vực công, không bao gồm nợ của các ngân hàng thuộc sở hữu nhà nước, ở mức 2.567 tỷ bảng (3.280 tỷ USD), tương đương 100,1% GDP.

Lạm phát ở Anh tăng vọt trở lại trong tháng 5

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Anh trong tháng 5 đã tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước, bằng với chỉ số CPI của tháng 4, Văn phòng Thống kê Quốc gia Anh (ONS) cho biết. Chỉ số Lạm phát lõi, loại trừ giá lương thực hay biến động và năng lượng, đã bất ngờ tăng lên từ 7,1% trong tháng 5, từ mức 6,8% của tháng trước.

Giá trị xuất khẩu Việt Nam từng đứng thứ 90/126 thế giới, nay nhảy 69 bậc, sắp lọt top 20 toàn cầu

Giá trị xuất khẩu của Việt Nam đạt khoảng 371,5 tỷ USD, xếp thứ 21 trên thế giới. Với con số này, giá trị xuất khẩu của Việt Nam năm 2022 sẽ nhảy 2 bậc so với năm 2021 và 69 bậc so với năm 1988 trên quy mô thế giới. Giai đoạn 1988 - 2022, giá trị xuất khẩu Việt Nam từng đứng thứ 90, nay nhảy 69 bậc lên vị trí thứ 21, sắp lọt top 20 toàn cầu.

Thủ tướng chốt khởi công dự án Vành đai 4

Văn phòng Chính phủ vừa có công văn gửi Bộ Giao thông vận tải để truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng sẽ khởi công Dự án đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội và dự án xây dựng đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu giai đoạn 1, với tổng mức đầu tư lên tới 91.699 tỷ đồng vào ngày 25/6

TIN DOANH NGHIỆP

LPBank có tổng giám đốc mới

Ngân hàng Nhà nước vừa có công văn chấp thuận việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc Ngân hàng Bưu điện Liên Việt (LPBank) đối với ông Hồ Nam Tiến từ ngày 21/6. Ông gia nhập LPBank từ năm 2010 và đã có 13 năm đảm nhận các vị trí lãnh đạo cấp cao.

Bamboo Airways có tân Chủ tịch HĐQT là người Nhật

Ông Hideki Oshima, cựu Giám đốc khối Quan hệ quốc tế và liên minh hàng không thuộc Japan Airlines, được bầu làm Chủ tịch HĐQT Bamboo Airlines nhiệm kỳ năm 2023-2028. Vị tân Chủ tịch Bamboo Airways có gần 40 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng không, từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý cấp cao tại các cảng hàng không, hãng bay lớn của châu Á.

Victory Capital sẽ chào bán 100 triệu cp riêng lẻ

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023 ngày 15/05, HĐQT PTL đã thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2023. Theo đó, PTL chào bán riêng lẻ 100 triệu cp với giá chào bán bằng mệnh giá là 10,000 đồng/cp, tương đương giá trị 1 ngàn tỷ đồng. Nếu chào bán thành công, vốn điều lệ của PTL sẽ tăng từ mức 1 ngàn tỷ đồng lên 2 ngàn tỷ đồng.

Thaco có dư nợ trái phiếu 8.200 tỷ đồng, lãi sau thuế 7.400 tỷ năm 2022

Năm 2022, Thaco lần đầu tiên công bố báo cáo tài chính sau khi hủy thông tin đại chúng vào tháng 5/2021. Tập đoàn của tỷ phú Trần Bá Dương ghi nhận lãi sau thuế đạt 7.420 tỷ đồng, tăng 40% so với cùng kỳ năm 2021, trở lại cột mốc lợi nhuận 7.000 tỷ sau 5 năm. Vốn chủ sở hữu của THACO tại ngày 31/12/2022 đạt 48.445 tỷ đồng, tương đương tăng gần 2.000 tỷ đồng sau một năm.

SZC chốt quyền trả cổ tức tỷ lệ 20% bằng cổ phiếu

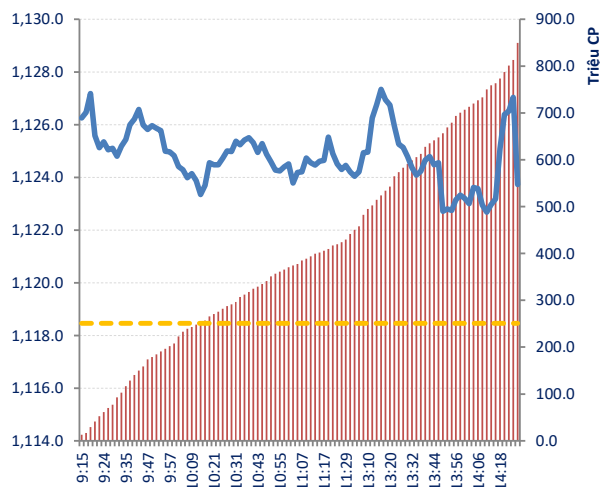
CTCP Sonadezi Châu Đức (HOSE: SZC) thông báo chốt quyền trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu tỷ lệ 5:1 qua đó tăng vốn điều lệ thêm 200 tỷ đồng, lên 1,200 tỷ đồng. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 06/07/2023

Hưng Thịnh Investment muốn bán thỏa thuận gần 3.1 triệu cp HTN

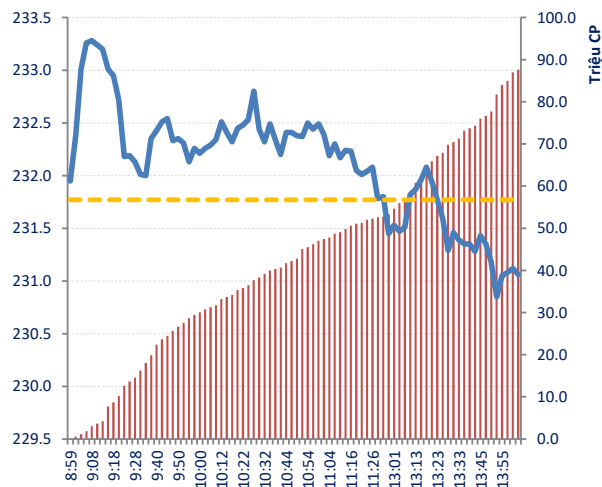
CTCP Hưng Thịnh Investment đăng ký bán thỏa thuận gần 3.1 triệu cp của CTCP Hưng Thịnh Incons (HOSE: HTN) trong thời gian từ 27/06-26/07 để cơ cấu danh mục đầu tư. Nếu bán thành công, Hưng Thịnh Investment sẽ giảm tỷ lệ sở hữu tại HTN từ 24.04% (21.42 triệu cp) xuống còn 20.59%

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

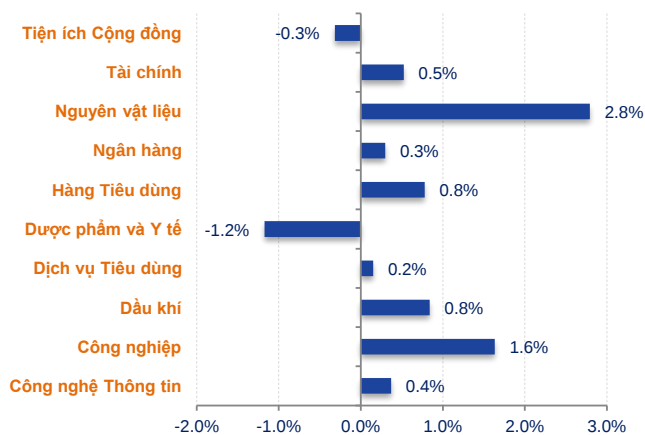
KLGD và VN-Index trong phiên



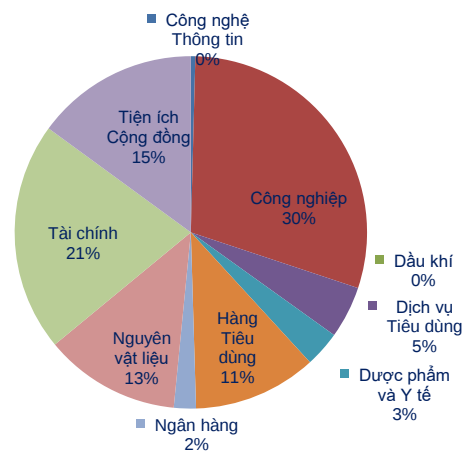
KLGD và HNX-Index trong phiên



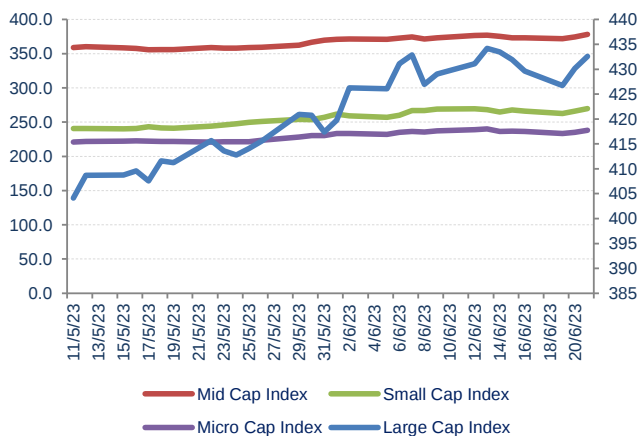
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



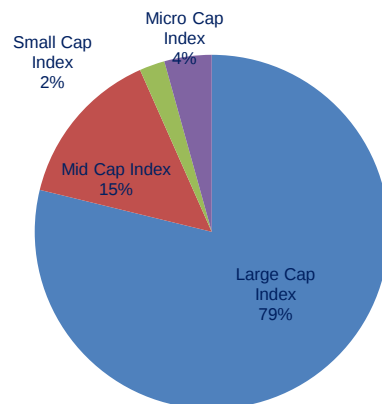
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ

Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ

Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ

Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	4,887,484	VHM	10,537,954	1	SHS	1,195,100	IDC	1,230,300
2	STB	3,545,700	TPB	2,700,056	2	TNG	156,900	PVS	1,165,000
3	HSG	793,490	NLG	1,059,700	3	TVD	21,100	CTC	84,200
4	DBC	740,600	POW	874,400	4	PVB	10,000	NVB	50,000
5	HDB	725,600	VND	741,082	5	VTV	10,000	BVS	49,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
GEX	19.20	20.30	↑ 5.73%	40,861,600	HUT	18.50	20.10	↑ 8.65%	25,419,987
HPG	23.65	24.60	↑ 4.02%	37,992,000	SHS	13.80	14.00	↑ 1.45%	22,372,809
NVL	14.50	14.50	→ 0.00%	28,742,600	PVS	33.10	33.10	→ 0.00%	6,918,294
VND	19.60	19.75	↑ 0.77%	28,166,700	CEO	25.70	25.80	↑ 0.39%	5,153,996
SHB	12.70	12.70	→ 0.00%	27,687,400	IDC	43.00	43.40	↑ 0.93%	4,268,638

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
COM	30.00	32.10	2.10	↑ 7.00%	DDG	8.00	8.80	0.80	↑ 10.00%
DHA	39.30	42.05	2.75	↑ 7.00%	PPE	8.10	8.90	0.80	↑ 9.88%
HAS	8.29	8.87	0.58	↑ 7.00%	PTD	14.30	15.70	1.40	↑ 9.79%
KSB	27.25	29.15	1.90	↑ 6.97%	CET	8.30	9.10	0.80	↑ 9.64%
ST8	25.10	26.85	1.75	↑ 6.97%	HOM	5.20	5.70	0.50	↑ 9.62%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDW	45.80	42.60	-3.20	↓ -6.99%	BKC	8.00	7.20	-0.80	↓ -10.00%
HTL	17.30	16.10	-1.20	↓ -6.94%	VCM	29.10	26.20	-2.90	↓ -9.97%
GTA	17.95	16.80	-1.15	↓ -6.41%	THB	12.30	11.10	-1.20	↓ -9.76%
BTT	32.45	31.00	-1.45	↓ -4.47%	GLT	22.00	19.90	-2.10	↓ -9.55%
SVT	13.55	13.00	-0.55	↓ -4.06%	STC	20.40	18.50	-1.90	↓ -9.31%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	40,861,600	0.1%	23	895.4	0.8
HPG	37,992,000	0.7%	114	215.4	1.5
NVL	28,742,600	1.8%	414	35.0	0.6
VND	28,166,700	4.1%	487	40.6	1.6
SHB	27,687,400	18.7%	2,610	4.9	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	25,419,987	1.3%	146	137.7	1.8
SHS	22,372,809	2.1%	224	62.5	1.2
PVS	6,918,294	5.6%	1,498	22.1	1.2
CEO	5,153,996	7.5%	1,057	24.4	1.8
IDC	4,268,638	34.3%	6,675	6.5	2.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
COM	↑ 7.0%	0.4%	115	278.5	1.0
DHA	↑ 7.0%	11.4%	3,272	12.9	1.5
HAS	↑ 7.0%	-0.1%	(9)	-	0.5
KSB	↑ 7.0%	6.4%	1,623	18.0	1.1
ST8	↑ 7.0%	69.7%	7,932	3.4	2.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DDG	↑ 10.0%	4.2%	546	16.1	0.7
PPE	↑ 9.9%	19.7%	932	9.6	1.7
PTD	↑ 9.8%	20.1%	3,763	4.2	0.7
CET	↑ 9.6%	1.7%	192	47.3	0.8
HOM	↑ 9.6%	2.2%	294	19.4	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	4,887,484	0.7%	114	215.4	1.5
STB	3,545,700	14.9%	3,006	9.8	1.4
HSG	793,490	-9.7%	(1,761)	-	1.0
DBC	740,600	-3.8%	(741)	-	1.2
HDB	725,600	20.8%	3,174	5.9	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	1,195,100	2.1%	224	62.5	1.2
TNG	156,900	17.8%	2,666	7.0	1.3
TVD	21,100	34.6%	4,615	3.6	1.1
PVB	10,000	-6.3%	(1,080)	-	1.4
VTV	10,000	3.8%	522	10.0	0.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	473,252	23.2%	6,533	15.3	3.3
VHM	237,748	24.9%	8,269	6.6	1.5
BID	219,540	19.7%	3,972	10.9	2.0
VIC	199,850	5.1%	1,800	29.1	1.5
GAS	183,356	24.1%	7,689	12.5	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	15,821	5.6%	1,498	22.1	1.2
IDC	14,322	34.3%	6,675	6.5	2.3
THD	13,930	4.0%	672	59.2	2.3
KSF	11,910	4.9%	1,094	36.3	1.8
BAB	11,835	9.6%	1,140	12.5	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	2.78	-0.4%	(48)	-	0.5
QCG	2.41	0.3%	49	194.0	0.6
HHV	2.28	3.4%	912	16.4	0.6
DPG	2.27	15.4%	5,264	6.6	1.0
LGL	2.25	1.4%	182	24.7	0.4

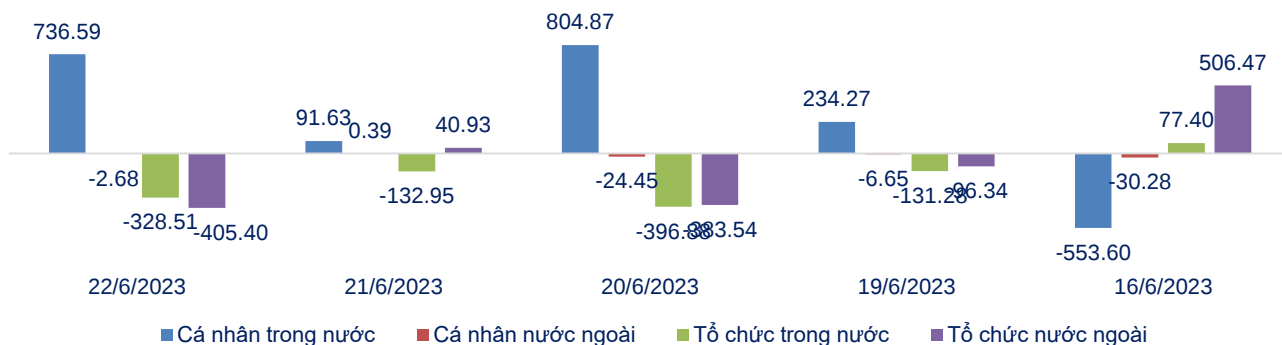
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	3.33	2.4%	262	70.5	1.7
API	3.27	8.2%	921	13.7	1.1
VC2	2.84	4.1%	591	24.0	1.0
VC9	2.71	26.1%	148	41.2	6.2
IDJ	2.70	8.0%	901	14.3	1.1



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	563.89	24.9%	8,269	6.6	1.5
PET	154.67	4.9%	1,008	27.1	1.3
EIB	113.74	14.8%	2,030	10.3	1.5
NVL	78.92	1.8%	414	35.0	0.6
GEX	63.61	0.1%	23	895.4	0.8

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-161.92	0.7%	114	215.4	1.5
STB	-77.14	14.9%	3,006	9.8	1.4
SSI	-67.05	6.9%	1,035	25.1	1.7
KBC	-47.47	11.2%	2,620	11.2	1.2
CTG	-42.12	15.9%	3,548	8.2	1.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	4.84	N/A	N/A	N/A	N/A
HPG	3.82	0.7%	114	215.4	1.5
CII	2.49	1.1%	362	52.0	0.6
CTR	1.73	29.8%	4,053	17.6	4.7
LCG	1.72	6.0%	799	17.5	1.0

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-5.59	14.9%	3,006	9.8	1.4
KBC	-2.71	11.2%	2,620	11.2	1.2
DIG	-2.47	2.2%	276	78.7	1.7
AGR	-2.15	5.6%	650	21.5	1.2
HVN	-1.58	0.0%	(3,587)	-	-

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	50.56	6.9%	1,035	25.1	1.7
KBC	49.86	11.2%	2,620	11.2	1.2
HPG	41.33	0.7%	114	215.4	1.5
DXG	25.37	-1.5%	(355)	-	0.7
CTG	23.57	15.9%	3,548	8.2	1.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PET	-154.67	4.9%	1,008	27.1	1.3
EIB	-106.50	14.8%	2,030	10.3	1.5
NVL	-75.75	1.8%	414	35.0	0.6
GEX	-59.30	0.1%	23	895.4	0.8
KDH	-53.51	8.6%	1,405	21.8	1.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	116.77	0.7%	114	215.4	1.5
STB	111.23	14.9%	3,006	9.8	1.4
CTG	18.49	15.9%	3,548	8.2	1.2
DIG	17.13	2.2%	276	78.7	1.7
SSI	16.72	6.9%	1,035	25.1	1.7

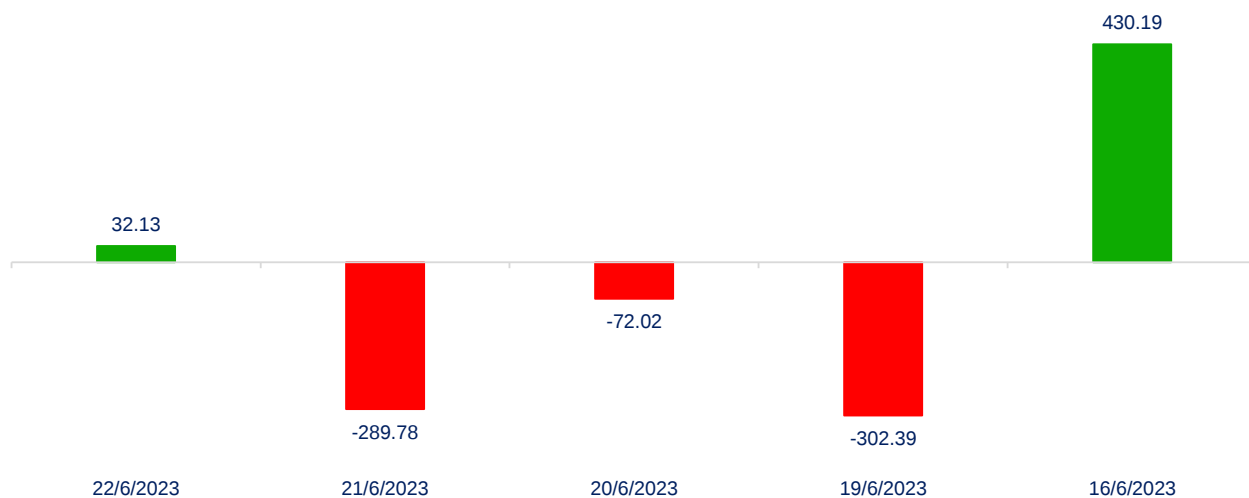
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-574.91	24.9%	8,269	6.6	1.5
TPB	-50.01	20.3%	2,884	6.4	1.2
VNM	-39.61	23.5%	3,881	17.1	4.0
NLG	-37.02	4.3%	1,467	23.8	1.0
GAS	-30.39	24.1%	7,689	12.5	2.8

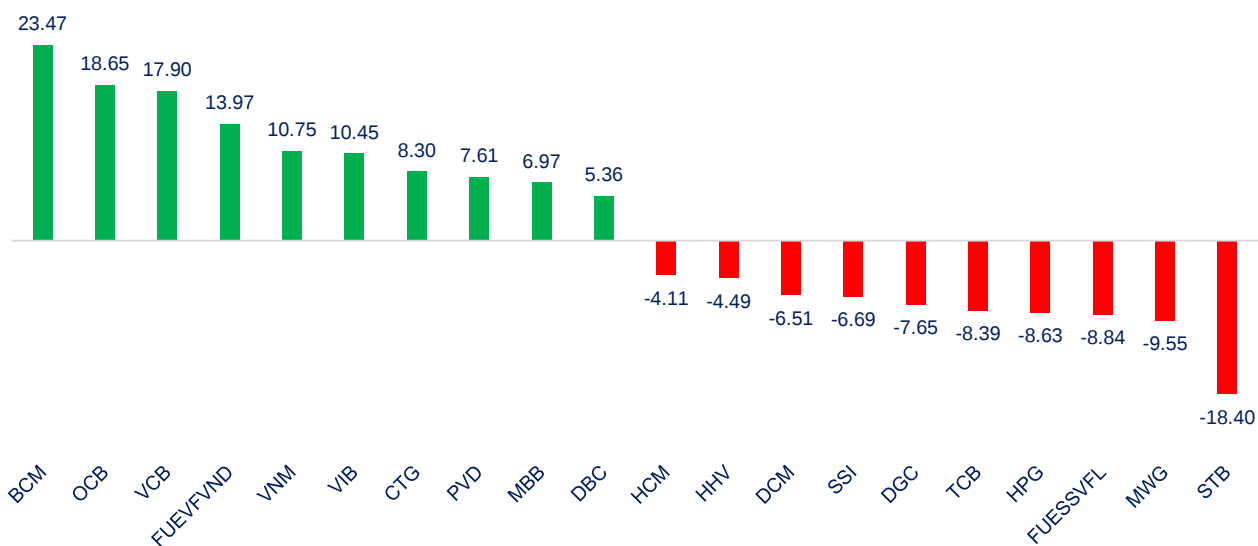


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn